

## PLAYER LIST

No.	NAME	NAT.	No.	NAME	NAT.	No.	NAME	NAT.
1	林文堂	TWN	49	何祐誠	TWN	97	林大鎔	TWN
2	葉昱辰	TWN	50	劉澤森	TWN	98	陳榮興	TWN
3	呂偉智	TWN	51	蕭宏宇	TWN	99	李玠柏	TWN
4	謝東宏	TWN	52	林遠惟	TWN	100	蔡叢宇	TWN
5	呂文德 52	TWN	53	陳睿昇	TWN	101	張奇駿	TWN
6	宋孟璋	TWN	54	張耀濱	TWN	102	呂文德 59	TWN
7	黃頌	TWN	55	林耕緯	TWN	103	王偉軒	TWN
8	邱瀚霆	TWN	56	李昭樺	TWN	104	洪家煜	TWN
9	盧建順	TWN	57	曾子豪	TWN	105	許閱軒	TWN
10	林文科	TWN	58	溫志豪	TWN	106	蔡瑞杰	TWN
11	曾子軒	TWN	59	賴韋綸	TWN	107	黃郁翔 AM	TWN
12	王偉倫	TWN	60	何勁宏	TWN	108	蔡勁陽 AM	TWN
13	葉偉志	TWN	61	溫楨祥	TWN	109	鄭念宗 AM	TWN
14	許立朋	TWN	62	蔡哲弘	TWN	110	王文陽 AM	TWN
15	林冠伯	TWN	63	李謹州	TWN	111	呂承學 AM	TWN
16	洪駿剛	TWN	64	王人立	TWN	112	黃茂富 AM	TWN
17	高藤	TWN	65	林尚澤	TWN	113	潘冠豪 AM	TWN
18	彭弘瑾	TWN	66	謝旻軒	TWN	114	潘冠文 AM	TWN
19	范姜皓詮	TWN	67	蔡顥至	TWN	115	許育誠 AM	TWN
20	李卓全	TWN	68	柯志達	TWN	116	楊浚頡 AM	TWN
21	汪德昌	TWN	69	許佳紳	TWN	117	巫耀微 AM	TWN
22	汪聰傑	TWN	70	洪瑞誠	TWN	118	陳瑋俐 AM	TWN
23	張澤鵬	TWN	71	許孟男	TWN	119	劉永華 AM	TWN
24	詹益信	TWN	72	楊斐皓	TWN	120	陳宥蓁 AM	TWN
25	黃祥豪	TWN	73	陳伯豪	TWN	121	GLEESON, DAVID	AUS
26	謝繼賢	TWN	74	黃柏叡	TWN	122	HO TEDDY	HK
27	蔣宸巒	TWN	75	鄭存宸	TWN	123	ATWAL JAIVEER	IND
28	沈代偉	TWN	76	卓宗霖	TWN	124	OIWA RYAICHI	JPN
29	劉又睿	TWN	77	黃冠勳	TWN	125	OKADA GENKI	JPN
30	林永龍	TWN	78	許智凱	TWN	126	SUZUKI YUDAI	JPN
31	陳志忠	TWN	79	陳奎宇	TWN	127	YOSHIKUWA YUTA	JPN
32	連驪森	TWN	80	林晟毓	TWN	128	U-MINN- WOON	MAS
33	沈威成	TWN	81	陳暉泓	TWN	129	BAYRON, JAY	PHL
34	林吉祥	TWN	82	周宏男	TWN	130	RATES, JOENARD	PHL
35	林根基	TWN	83	楊豪	TWN	131	LASCUÑA, TONY	PHL
36	葉彰廷	TWN	84	曾宏勝	TWN	132	BIBAT, MICHAEL	PHL
37	方胤人	TWN	85	許智傑	TWN	133	JARULA, REYMON	PHL
38	陳元車	TWN	86	李威霖	TWN	134	SALAHOG, NILO	PHL
39	張修齊	TWN	87	王士瑞	TWN	135	ABABA, JHONNEL	PHL
40	王偉祥	TWN	88	張庭嘉	TWN	136	ZETTERWALL OSCAR	SWE
41	李士鴻	TWN	89	陳逸祐	TWN	137	ARTJANAWAT, WISUT	THA
42	張建棋	TWN	90	胡克	TWN	138	UTHAIPAS, PANNAKORN	THA
43	黃議增	TWN	91	陳君吏	TWN	139	SAKULPOLPHAISAN CHANAT	THA
44	陳裔東	TWN	92	蘇清安	TWN	140	SIRBOONKAEW ATTAPHON	THA
45	蔡宗佑	TWN	93	翁永田	TWN	141	MUENLUK PANUWAT	THA
46	張哲瑜	TWN	94	李啟宗	TWN	142	TALMADGE, SEAN	USA
47	莊達鴻	TWN	95	蘇彥璋	TWN			
48	賴嘉一	TWN	96	王璽安	TWN			

AUS 1 HK 1 IND 1 JPN 4 MAS 1 PHL 7 SWE 1 THA 5 TWN 120 USA 1 共 10 國 142 位